



Original Article

# The Management of Nurturing, Child Care for Children Aged 18 to 36 Months Using a Participatory Approach: A Case Study of Preschools in Thanh Hoa Province

Hoang Thi Sinh Thai<sup>1,\*</sup>, Bui Thi Phuong<sup>2</sup>

<sup>1</sup>*Van Loc Preschool, Hau Loc, Thanh Hoa Province, Vietnam*

<sup>2</sup>*Hanoi University of Public Health, 1A Duc Thang, Tu Liem, Hanoi, Vietnam*

Received 06<sup>th</sup> September 2024

Revised 01<sup>st</sup> October 2024; Accepted 08<sup>th</sup> October 2024

**Abstract:** In the education system, each level of education has its own characteristics and must be given special attention, including preschool education, which is the first stage of personality formation and understanding of each person, so it must be considered a key educational task, the top priority in the national education system. Through going to school, children will be comprehensively developed in terms of physical, intellectual, emotional, aesthetic, and personality formation. Currently, with the economic development situation, the need for comprehensive development for children is also more focused not only by parents but also in each school. This has become the goal to develop and perfect the system of equipment, facilities, and capacity of teachers and the school's management team. The study uses a participatory approach based on the management participation of management groups in particular and components in education in general, thereby assessing the current status of management of child care and nurturing activities. The research results also show that the management of preschools still has many shortcomings, including the differences in economic characteristics of each region, the quality of the teaching staff, facilities and equipment, etc. There are many issues that still need attention due to the uneven development between regions and areas. Therefore, in order for activities to develop more and more, it is still necessary to pay attention to investment and research the current situation more clearly in order to have more effective solutions for each problem.

**Keywords:** Management, preschool education, care, nurturing, children, participation approach.

\* Corresponding author.

E-mail address: [Phuongbui.sociology@gmail.com](mailto:Phuongbui.sociology@gmail.com)

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.5201>

# Quản lý hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em từ 18 đến 36 tháng tuổi theo tiếp cận tham gia: nghiên cứu trường hợp trường mầm non tại tỉnh Thanh Hóa

Hoàng Thị Sinh Thái<sup>1,\*</sup>, Bùi Thị Phương<sup>2</sup>

<sup>1</sup>*Trường mầm non Văn Lộc, Hậu Lộc, Thanh Hóa, Việt Nam*

<sup>2</sup>*Trường Đại học Y tế Công cộng, 1A Đức Thắng, Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 06 tháng 9 năm 2024

Chỉnh sửa ngày 01 tháng 10 năm 2024; Chấp nhận đăng ngày 08 tháng 10 năm 2024

**Tóm tắt:** Trong hệ thống giáo dục, mỗi bậc học đều có những đặc thù riêng và phải có sự quan tâm đặc biệt bao gồm giáo dục mầm non, đây là giai đoạn đầu tiên hình thành nhân cách và hiểu biết của mỗi con người vì vậy cần phải được coi là một nhiệm vụ giáo dục trọng tâm, hàng đầu trong hệ thống giáo dục quốc gia. Thông qua việc đến trường, trẻ sẽ được phát triển toàn diện về cả thể chất, trí tuệ, tình cảm, thẩm mỹ và hình thành nhân cách cho trẻ. Hiện nay với tình hình kinh tế tăng trưởng, nhu cầu phát triển toàn diện cho trẻ cũng được chú trọng hơn không chỉ từ phía các bậc phụ huynh mà từ phía nhà trường để phát triển, hoàn thiện hệ thống trang thiết bị, cơ sở vật chất và năng lực của các giáo viên và đội ngũ quản lý lãnh đạo của nhà trường. Nghiên cứu sử dụng tiếp cận tham gia của các bên liên quan gồm cán bộ quản lý của nhà trường, cán bộ quản lý ngoài nhà trường, giáo viên và phụ huynh học sinh để thu thập dữ liệu, phân tích và đánh giá thực trạng quản lý hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng công tác quản lý hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em theo tiếp cận tham gia được đánh giá ở mức khá trở lên, tuy nhiên vẫn còn nhiều vấn đề cần có những giải pháp quản lý có tính cần thiết và khả thi để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em đáp ứng nhu cầu phát triển của trẻ em và yêu cầu của xã hội đối với giáo dục mầm non nói chung và giáo dục trẻ em từ 18 đến 36 tháng tuổi nói riêng.

*Từ khóa:* Quản lý, giáo dục mầm non, chăm sóc, nuôi dưỡng, trẻ em, tiếp cận tham gia.

## 1. Mở đầu

Là nền tảng của hệ thống giáo dục quốc dân, giáo dục mầm non có mục tiêu phát triển toàn diện trẻ em về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ và các yếu tố của nhân cách; hình thành những phẩm chất, năng lực cần thiết cho trẻ em vào lớp một. Theo quy định của pháp luật, cơ sở giáo dục mầm non có sứ mệnh, mục tiêu là hình thành và phát triển toàn diện nhân cách cho trẻ em mầm non. Để thực hiện mục tiêu này, cơ sở giáo dục mầm non, cụ thể là các

trường mầm non quản lý đúng đắn, thành công và hiệu quả hai hoạt động đặc thù của giáo dục mầm non là nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em trong mối quan hệ mật thiết với hoạt động giáo dục. Có thể căn ghi nhớ lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh về tầm quan trọng hàng đầu của nuôi dưỡng, chăm sóc và hàng thứ ba là giáo dục đối với trẻ em mầm non qua câu thơ nổi tiếng: “Trẻ em như búp trên cành. Biết ăn ngủ, biết học hành là ngoan”. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ giáo dục trong nhà trường chỉ là một phần, còn cần có sự tham gia của giáo dục ngoài xã hội và trong gia đình để giáo dục nhà trường được tốt hơn [1].

Trong giáo dục mầm non, trẻ em từ 18 đến 36 tháng tuổi là giai đoạn đặt nền móng cho sự

\* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: Phuongbui.sociology@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.5201>

phát triển hài hòa các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ sau này. Chương trình, kế hoạch giáo dục nhà trẻ đối với trẻ em từ 18 đến 36 tháng tuổi được thực hiện theo chế độ sinh hoạt phù hợp với lứa tuổi phát triển của trẻ em từ 18 đến 24 tháng tuổi và trẻ em từ 24 đến 36 tháng tuổi. Đồng thời, trẻ em từ 18 đến 36 tháng tuổi được nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe cho phù hợp với từng nhóm tuổi tương ứng từ 18 đến 24 tháng và từ 24 đến 36 tháng.

Theo quy định hiện hành, cán bộ quản lý chủ chốt của cơ sở giáo dục mầm non chịu trách nhiệm quản lý toàn bộ các hoạt động của nhà trường, đặc biệt là hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em [2]. Giáo viên và nhân viên của nhà trường thực hiện các chức trách, nhiệm vụ được phân công và chịu trách nhiệm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo vị trí việc làm trong cơ sở giáo dục mầm non.

Theo quy định hiện hành, các nội dung nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe cho trẻ em từ 18 đến 36 tuổi bao gồm việc “tổ chức ăn”, “tổ chức ngủ”, “vệ sinh”, “chăm sóc sức khỏe và an toàn” [3].

Theo lý thuyết quản lý hiện đại, cụ thể là theo cách tiếp cận tham gia, việc quản lý hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em từ 18 đến 36 tháng tuổi luôn đòi hỏi có sự tham gia của các bên liên quan trong và ngoài nhà trường [4-8]. Trong số đó nổi bật nhất là sự tham gia của giáo viên, nhân viên trong nhà trường và sự tham gia của cán bộ quản lý ngoài nhà trường bao gồm các cán bộ quản lý của các cơ quan chính quyền địa phương, cơ quan quản lý giáo dục cấp trên và gia đình có trẻ em đang học tập tại trường mầm non.

Quản lý hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em từ 18 đến 36 tháng tuổi ở các trường mầm non theo cách tiếp cận tham gia phụ thuộc rất nhiều vào đặc điểm, điều kiện kinh tế, xã hội cụ thể ở địa phương. Do vậy, bài viết này đặt ra mục tiêu tìm hiểu, đánh giá thực trạng quản lý hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em từ 18 đến 36 tháng tuổi qua nghiên cứu trường hợp một số trường mầm non tỉnh Thanh Hóa.

## 2. Tổng quan nghiên cứu

### 2.1. Nghiên cứu về quản lý hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em

Quản lý giáo dục mầm non là một bộ phận của quản lý giáo dục và quản lý xã hội. Nghiên cứu quản lý hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non giúp củng cố, ổn định và phát triển với các mô hình đa dạng, linh hoạt, phù hợp với yêu cầu mới trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Việc quản lý trường mầm non có nhiều đặc điểm khác với việc quản lý các loại hình trường học khác. Trường mầm non có ba nhiệm vụ quan trọng: chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng trẻ từ khi còn rất nhỏ và hầu như các em phụ thuộc vào sự chăm sóc của người lớn [9]. Việc quản lý sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc cung cấp các chương trình chăm sóc và giáo dục trẻ em phù hợp với nhu cầu khác nhau của các gia đình và các khu vực địa lý khác nhau. Các chuyên gia giáo dục mầm non ở Hoa Kỳ với những nghiên cứu trong hai thập kỷ qua đã cho thấy rằng trình độ chuyên môn của giáo viên ảnh hưởng đáng kể đến chất lượng chăm sóc và giáo dục dành cho trẻ nhỏ [10; tr. 20-24] và trình độ chuyên môn cao hơn của người chăm sóc và giáo viên mầm non góp phần vào những kết quả ngắn hạn và dài hạn tích cực hơn của trẻ [11, 12].

Có thể thấy ở các quốc gia khác hướng nghiên cứu rất đa dạng về các hoạt động quản lý chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non, từ quản lý cấp nhà nước, các tác động của chăm sóc giáo dục trẻ đến sự phát triển của trẻ. Ở Việt Nam các nghiên cứu về quản lý các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ đã tập trung phân tích về việc lên kế hoạch, chỉ đạo thực hiện, kiểm tra đánh giá, giám sát các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc tại các trường mầm non tuy nhiên vấn đề trên còn chưa được nghiên cứu một cách toàn diện.

### 2.2. Nghiên cứu về quản lý nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em theo tiếp cận tham gia

Trong các nghiên cứu của các tác giả trên thế giới cho thấy nhiều trẻ em ở các quốc gia có thu nhập thấp và trung bình có nguy cơ bị tổn hại về tiềm năng phát triển, những hậu quả tiêu

cực lâu dài làm suy giảm sức khỏe và năng suất và điều đó có liên quan đến những trải nghiệm và cơ hội ban đầu như sự hỗ trợ cho việc nâng cao năng lực, quyền tự chủ và tính độc lập [13-15]. Những trải nghiệm và cơ hội đầu đời này dành cho trẻ em (trước khi sinh đến 5 tuổi) tạo nên một quỹ đạo xuyên suốt trong cuộc đời của trẻ. Trong giai đoạn đầu đời, môi trường trực tiếp của trẻ (cha mẹ, anh chị em và người chăm sóc), môi trường (ở nhà, trường học), bối cảnh bên ngoài (công việc của cha mẹ) và bối cảnh xã hội lớn hơn liên quan đến quản lý là những yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển của trẻ [16].

Các nghiên cứu liên quan đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ mầm non đều cho thấy vai trò quan trọng của các bên liên quan và coi gia đình như một cấu trúc sinh thái, một hệ thống ảnh hưởng đến việc học tập và phát triển của trẻ thông qua việc nuôi dưỡng, chăm sóc [17, 18]. Việc nuôi dưỡng, chăm sóc được hỗ trợ bởi một loạt các bối cảnh xã hội từ hầu hết môi trường gia đình gần gũi, chăm sóc trẻ em, học tập, đến các bối cảnh xa hơn và gián tiếp hơn như công việc của cha mẹ, cộng đồng rộng lớn hơn và ảnh hưởng của chính sách [16]. Các ước tính hiện tại chỉ ra rằng hơn một nửa trong số 25,5 triệu trẻ em Mỹ dưới 6 tuổi dành thời gian cho người khác chăm sóc thường xuyên chứ không phải cha mẹ trong một tuần [19].

Nhìn chung các nghiên cứu ở các góc độ khác nhau đều có những nhận định về vấn đề nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ mầm non tuy nhiên, chưa có nhiều nghiên cứu đi sâu nghiên cứu về quản lý hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ từ 18 tháng đến 36 tháng tuổi theo hướng tiếp cận tham gia. Việc tác giả đi sâu vào nghiên cứu về quản lý hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ từ 18 tháng đến 36 tháng tuổi theo hướng tiếp cận tham gia sẽ bổ sung, làm rõ thêm các hiệu quả liên quan đến quản lý để từ đó có những chính sách cho phù hợp hơn.

### 3. Một số khái niệm cơ bản và phương pháp nghiên cứu

#### 3.1. Quản lý

Các nhà nghiên cứu ở các lĩnh vực đưa ra nhiều định nghĩa khác nhau về quản lý và nhìn

chung các nhà nghiên cứu đều đề cập đến quá trình hoạt động nhằm thực hiện các chức năng như dự báo, ra quyết định, lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ huy, kiểm tra, giám sát, đánh giá, kiểm soát nhằm đảm bảo thực hiện quyết định, kế hoạch và mục tiêu đặt ra. Tuy nhiên, các định nghĩa nhấn mạnh quá trình thực hiện các chức năng của quản lý có thể chỉ phù hợp với quản lý trong phạm vi hoạt động của một cá nhân, nhóm hay một bộ máy, một đơn vị trong một tổ chức hay một cơ quan. Trong tổ chức hoạt động theo xu thế chuyên môn hóa và chuyên nghiệp hóa, quản lý biến đổi và phát triển trở thành một lĩnh vực hoạt động khác với lãnh đạo và quản trị, mà trong thực tế những khái niệm này có thể chồng lấn và thay thế lẫn nhau [5, 6, 8].

Khái niệm quản lý được dùng để chỉ một số chức năng của một bộ phận nhất định của hệ thống nhằm góp phần tạo ra tính hướng đích, tính tổ chức, tính gắn kết và trật tự của cả hệ thống trong mối quan hệ với môi trường xung quanh. Từ góc độ lý thuyết tổ chức quản lý là chức năng hoạt động của một tổ chức nhất định thường được gọi là bộ máy quản lý, cơ quan quản lý. Từ góc độ thiết chế luận hay thể chế luận, quản lý là việc tạo ra thể chế, chính sách, cơ chế, quy định, quy trình trong đó diễn ra hoạt động quản lý, tạo ra quy tắc để ra quyết định, tổ chức thực hiện quyết định và kiểm tra, giám sát việc thực hiện quyết định.

#### 3.2. Quản lý nhà trường

Quản lý nhà trường có thể hiểu là quản lý hoạt động dạy và học nhằm đưa nhà trường từ trạng thái này sang trạng thái khác và dần đưa nhà trường tới mục đích giáo dục đã xác định [2-6].

Tác giả Bùi Minh Hiền, Nguyễn Vũ Bích Hiền (2016) đã đề cập đến quản lý nhà trường với một hệ thống tác động có mục đích, có kế hoạch của người làm lãnh đạo, quản lý, và hướng tới nhân viên của họ, có thể giáo viên, nhân viên, người học [4]. Và huy động nhân viên tham gia các sứ mệnh, hoạt động của nhà trường [3]. Như vậy, có thể hiểu quá trình quản lý giữa người lãnh đạo và nhân viên của họ là một quá trình 2 chiều với mục đích thực hiện

các nhiệm vụ của nhà trường sao cho đạt hiệu quả cao nhất.

Tác giả Lê Ngọc Hùng (2022) đã đưa ra nhận định về quản lý nhà trường dựa theo mô hình đồng nghiệp là quản lý có sự phân công và hợp tác của những người cũng lĩnh vực hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp, cung mỗi quan tâm hay các bên có lợi ích liên quan của tổ chức [5, 6]. Với mô hình đồng nghiệp quyền lực của người quản lý và sự tham gia của các bên liên quan [4].

Quản lý nhà trường chính là một biểu hiện rõ ràng của mô hình quản lý dựa vào giáo viên với sự tác động qua lại giữa nhà quản lý và các thành phần tham gia trong giáo dục. Và tất cả quá trình nhằm đạt được mục tiêu chung trong giáo dục cũng như thúc đẩy sự phát triển nguồn lực của xã hội.

### 3.3. Giáo dục mầm non

Luật giáo dục (2019) đưa ra định nghĩa giáo dục mầm non là cấp học đầu tiên trong hệ thống giáo dục quốc dân, đặt nền móng cho sự phát triển toàn diện con người Việt Nam, thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em từ 03 tháng tuổi đến 06 tuổi nhằm phát triển toàn diện trẻ em về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào học lớp một [7].

### 3.4. Hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ mầm non

Trong Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT quy định rõ về hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe cho trẻ, cụ thể hoạt động nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục trẻ được thực hiện theo quy định của chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và quy định về hoạt động y tế trường học. Như vậy, có thể hiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ tại trường mầm non là quá trình thực hiện tổng hợp các công việc chăm sóc dinh dưỡng, chăm sóc giấc ngủ, chăm sóc vệ sinh, chăm sóc sức khỏe và đảm bảo an toàn cho trẻ, nhằm đảm bảo trẻ được sống và phát triển một cách toàn diện, được tiến hành ở các cơ sở giáo dục mầm non theo chương trình giáo dục mầm non [9].

### 3.5. Quản lý hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ mầm non

Quản lý hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ trong trường mầm non bao gồm các biện pháp tác động trực tiếp tới các đối tượng chính là giáo viên, nhân viên, các hoạt động giáo dục, các nguồn lực trong và ngoài nhà trường nhằm đạt được mục tiêu quan trọng của giáo dục mầm non là giúp trẻ khỏe mạnh, cơ thể phát triển hài hòa, cân đối, nâng cao sức đề kháng và khả năng thích ứng với những thay đổi của môi trường, từ đó giúp trẻ phát triển một cách toàn diện nhất.

Quản lý công tác nuôi dưỡng trẻ em bao gồm: quản lý bếp ăn và quản lý việc tổ chức cho trẻ ăn trên lớp. Quản lý hoạt động chăm sóc trẻ em bao gồm chỉ đạo và giám sát việc thực hiện hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ em; chỉ đạo và quản lý việc thực hiện công tác vệ sinh, phòng bệnh cho trẻ em: vệ sinh cá nhân trẻ em, vệ sinh nhóm, lớp học, vệ sinh đồ dùng cá nhân, đồ dùng đồ chơi của trẻ, vệ sinh môi trường bên ngoài nhóm, lớp học; chỉ đạo và quản lý việc đảm bảo an toàn cho trẻ; chỉ đạo giáo viên làm tốt hoạt động về tổ chức giấc ngủ và phòng, chống các bệnh thường gặp cho trẻ; Phòng chống các tai nạn thương tích.

### 3.6. Tiếp cận tham gia và quản lý hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ từ 18 đến 36 tháng theo cách tiếp cận tham gia

Khái niệm này dùng để chỉ một phương thức quản lý nhằm thu hút sự tham gia của các bên liên quan trong quản lý giáo dục nói chung và trong quản lý hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ mầm non từ 18 đến 36 tháng tuổi nói riêng, huy động các nguồn lực xã hội từ cộng đồng, các hộ gia đình, các tổ chức, các cá nhân và những người hảo tâm tham gia đóng góp cho sự nghiệp phát triển giáo dục. Theo Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT về mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội ghi rõ mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội, đây chính là mối quan hệ không thể tách rời trong giáo dục nếu muốn xây dựng một hệ thống giáo dục phát triển bền vững, bình đẳng, dân chủ và đầy trách nhiệm, có thể thấy mỗi đơn vị đều có

những trách nhiệm riêng trong quá trình phát triển nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em như nhà trường sẽ tạo ra môi trường giáo dục giúp trẻ phát triển cả về thể chất và tinh thần trong tuổi thơ ấu.

Quản lý hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ từ 18 đến 36 tháng theo cách tiếp cận tham gia là việc quản lý trẻ với sự tham gia của các bên bao gồm các bước i) Lập kế hoạch; ii) Tổ chức thực hiện kế hoạch; iii) Chỉ đạo thực hiện kế hoạch; iv) Hoạt động phối hợp các bên liên quan; v) Kiểm tra, đánh giá hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng.

### 3.7. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp tiếp cận có sự tham gia của các bên, nghiên cứu áp dụng phương pháp tiếp cận có sự tham gia của cộng đồng bao gồm tất cả các bên có liên quan trong quá trình quản lý giáo dục cùng tham gia trong mọi quy trình của quá trình quản lý, sự tham gia có thể tiếp cận ở nhiều phương thức, hình thức đa dạng, khác nhau tuy nhiên cần được sử dụng phù hợp với đối tượng và các nội dung trong quản lý giáo dục.

Nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu tổng quan và dữ liệu từ cuộc khảo sát tại năm trường mầm non tại một huyện của tỉnh Thanh Hóa trong nửa đầu năm 2024. Mẫu khảo sát gồm 30 cán bộ quản lý giáo dục (bao gồm hiệu trưởng và phó hiệu trưởng, tổ trưởng tổ chuyên môn các trường mầm non, cán bộ phòng GD&ĐT); 150 giáo viên của năm trường mầm non; 20 cán bộ quản lý liên quan giáo dục bao gồm: cán bộ làm hoạt động y tế, an toàn Vệ sinh thực phẩm ở địa phương, cán bộ của chính

quyền địa phương; 150 phụ huynh học sinh của năm trường mầm non ở tỉnh Thanh Hóa.

Phương pháp chọn mẫu mang tính chất tiện lợi với mục đích nghiên cứu thăm dò, đánh giá thực trạng và phát hiện vấn đề. Các câu hỏi khảo sát tập trung vào những nội dung nuôi dưỡng, chăm sóc và quản lý nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em 18 - 36 tháng tuổi tại trường mầm non được chọn. Nghiên cứu sử dụng thang đo Likert gồm năm mức tương ứng với mức độ đánh giá từ mức 1 điểm thấp nhất nghĩa là “rất kém” đến mức 5 điểm cao nhất nghĩa là “rất tốt”.

### 4. Kết quả nghiên cứu

Về số lượng học sinh, các trường mầm non hiện tổ chức theo nhóm trẻ và lớp mẫu giáo (mẫu giáo 3-4 tuổi, mẫu giáo 4-5 tuổi và mẫu giáo 5-6 tuổi) theo chương trình chuẩn giáo dục mầm non. Theo bảng số liệu trên số trẻ ở các năm luôn có xu hướng biến động, số trẻ bình quân một nhóm nhà trẻ năm học 2023-2024 là 23,8 trẻ/nhóm, giảm đi so với năm học 2021-2022 (24,1 trẻ/nhóm). Số trẻ bình quân trong một lớp mẫu giáo năm học 2023-2024 là 29,1 trẻ/lớp, nhiều hơn so với số trẻ trong một lớp của năm học 2021-2022. Việc trẻ được chia lớp theo đúng độ tuổi và số lượng trẻ theo chuẩn chương trình giáo dục mầm non. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ, ngoài ra với số lượng trẻ thay đổi qua các năm học luôn cần có những nắm bắt kịp thời về mặt quản lý để có thể có những giải pháp tốt nhất giúp trẻ được phát triển trong môi trường thuận lợi.

Bảng 1. Số lượng trẻ nhà trẻ, mẫu giáo trong trường mầm non, năm học 2020 - 2023

Trường mầm non	Năm 2020-2021				Năm 2021-2022				Năm 2022-2023			
	Nhà trẻ		Mẫu giáo		Nhà trẻ		Mẫu giáo		Nhà trẻ		Mẫu giáo	
	Số trẻ	Số nhóm	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số nhóm	Số trẻ	Số lớp	Số trẻ	Số nhóm	Số trẻ	Số lớp
Trường A	75	3	210	7	72	3	208	7	70	3	209	7
Trường B	72	3	220	8	73	3	230	8	71	3	226	8
Trường C	72	3	286	10	70	3	281	10	74	3	291	10
Trường D	145	6	512	18	136	6	508	18	141	6	475	16
Trường E	70	3	176	6	68	3	150	6	72	3	166	6
<b>Tổng cộng</b>	<b>434</b>	<b>18</b>	<b>1404</b>	<b>49</b>	<b>419</b>	<b>18</b>	<b>1377</b>	<b>49</b>	<b>428</b>	<b>18</b>	<b>1367</b>	<b>47</b>
<b>Bình quân số trẻ</b>	<b>24,1</b>		<b>28,7</b>		<b>23,3</b>		<b>28,1</b>		<b>23,8</b>		<b>29,1</b>	

Về đội ngũ nhân sự trường mầm non, số giáo viên trong các trường mầm non công lập

trên địa bàn khảo sát từ 20 đến dưới 50 giáo viên.

Bảng 2. Số lượng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên trường mầm non, năm học 2020 - 2023

Trường mầm non	Năm 2020-2021			Năm 2021-2022			Năm 2022-2023		
	Cán bộ quản lý nhà trường	Giáo viên	Nhân viên	Cán bộ quản lý nhà trường	Giáo viên	Nhân viên	Cán bộ quản lý nhà trường	Giáo viên	Nhân viên
Trường A	3	20	3	3	20	3	3	21	3
Trường B	3	22	3	3	22	3	3	22	3
Trường C	3	26	4	3	26	4	3	26	4
Trường D	3	45	6	3	44	6	3	45	5
Trường E	3	19	2	3	19	2	3	20	2
<b>Tổng số</b>	<b>15</b>	<b>132</b>	<b>18</b>	<b>15</b>	<b>131</b>	<b>18</b>	<b>15</b>	<b>134</b>	<b>18</b>

Nguồn: thống kê báo cáo tổng kết năm học các trường mầm non.

Theo bảng số liệu trên đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tại cụm các trường cho thấy số lượng cán bộ quản lý và nhân viên ổn định qua các năm học, số lượng giáo viên có sự thay đổi, nhìn chung có tăng thêm giáo viên, như vậy việc ổn định đội ngũ quản lý, nhân viên và tăng thêm số lượng giáo viên là một chỉ số thể hiện rằng các nhà trường có sự quan tâm đầu tư trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ.

Kết quả nghiên cứu thực trạng nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ 18-36 tháng tuổi nêu ở Bảng 3 (thang đo Likert: 1 có nghĩa là “rất kém” và 5 có nghĩa là “rất tốt”).

Nhìn chung trong các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ có 2 hoạt động được đánh giá tương đối cao hơn so với 2 hoạt động còn lại đó là hoạt động chăm sóc giấc ngủ và hoạt động vệ sinh cho trẻ, 2 hoạt động còn lại bao gồm hoạt động xây dựng chế độ dinh dưỡng và hoạt động chăm sóc sức khỏe và đảm bảo an toàn cho trẻ em. Ở tất cả các hoạt động một điểm có thể dễ dàng nhận thấy là mức độ đánh giá cho điểm của các cán bộ quản lý nói chung luôn cao hơn so với nhóm giáo viên và nhóm phụ huynh, điều này có thể lý giải từ góc độ quản lý, nhà quản lý đánh giá dựa theo quy trình và đảm bảo các quy định trong các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ, còn giáo viên và phụ huynh đánh giá dựa trên mức độ mong đợi và kỳ vọng của bản thân vì vậy nên dẫn đến tỷ lệ đánh giá luôn thấp hơn so với nhóm quản

lý. Đây là vấn đề cần suy nghĩ trong quá trình nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ, bởi sự kỳ vọng của phụ huynh và sự hiểu biết quy trình của giáo viên hiện nay vẫn cần được làm tốt hơn.

Kết quả nghiên cứu về thực trạng các chức năng quản lý nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ.

Cuộc khảo sát lấy ý kiến đánh giá của các bên liên quan (cán bộ trường, giáo viên, phụ huynh và cán bộ ngoài trường) về bốn chức năng thuộc loại “kinh điển” của quản lý là chức năng lập kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc; chức năng tổ chức thực hiện; chức năng chỉ đạo thực hiện và chức năng kiểm tra, giám sát.

Đồng thời, khảo sát lấy ý kiến đánh giá của các bên về hai chức năng rất cơ bản, quan trọng của quản lý được nhấn mạnh trong các lý thuyết quản lý hiện đại. Đó là, thứ nhất, chức năng truyền thông, giáo dục thay đổi nhận thức, thái độ và hành vi đối với nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ mầm non nói chung và trẻ 18-36 tháng tuổi nói riêng. Thứ hai, chức năng phối hợp và huy động các bên liên quan gồm cả cộng đồng trong quản lý nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ mầm non, có thể gọi chung là quản lý theo tiếp cận tham gia hoặc quản lý theo tiếp cận cộng đồng. Kết quả khảo sát ý kiến đánh giá được tính trung bình cho các bên liên quan trả lời câu hỏi và được trình bày theo thứ tự xếp hạng trong Bảng 4 (thang đo Likert: 1 có nghĩa là “rất kém” và 5 có nghĩa là “rất tốt”).

Bảng 3. Ý kiến đánh giá của các bên liên quan về thực trạng các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ 18-36 tháng tuổi

STT	Nội dung	Tiêu chí	Các nhóm đối tượng			
			Cán bộ quản lý giáo dục	Cán bộ quản lý liên quan	Giáo viên	Phụ huynh
1	Hoạt động chăm sóc sức khỏe và đảm bảo an toàn cho trẻ em 18-36 tháng tuổi	Phối hợp với trạm y tế khám sức khỏe định kỳ cho trẻ em 18-36 tháng	4,1	4,2	4,1	4
		Có sổ theo dõi sức khỏe, theo dõi tiêm chủng cho trẻ em 18-36 tháng tuổi	4,1	4,1	4,1	4
		Có kế hoạch phòng tránh 1 số bệnh thường gặp cho trẻ em 18-36 tháng tuổi	4,2	4,2	4,1	4
		Cơ sở vật chất đảm bảo an toàn phòng tránh tai nạn thường gặp cho trẻ em 18-36 tháng tuổi	4,2	4,2	4,1	4,1
		Điểm trung bình	4,2	4,2	4,1	4,0
2	Hoạt động chăm sóc vệ sinh cho trẻ em từ 18-36 tháng tuổi	Chăm sóc vệ sinh cá nhân cho trẻ em 18-36 tháng tuổi	4,1	4,3	4	4
		Đảm bảo vệ sinh phòng, nhóm, đồ dùng, đồ chơi, giữ sạch nguồn nước và xử lý tốt rác thải, nước thải	4,2	4,4	4	4,1
		Có nguồn nước sạch và xử lý rác thải, nước thải đảm bảo vệ sinh	4,2	4,3	4,1	4,1
		Điểm trung bình	4,2	4,3	4,0	4,1
3	Hoạt động chăm sóc giấc ngủ cho trẻ em từ 18-36 tháng tuổi	Tổ chức giấc ngủ cho trẻ đảm bảo theo nhu cầu trẻ em 18-36 tháng tuổi	4,3	4,4	4,1	4,1
		Điểm trung bình	4,3	4,4	4,1	4,1
4	Hoạt động chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ em từ 18-36 tháng tuổi.	Xây dựng chế độ khẩu phần ăn phù hợp với trẻ 18-24; 24-36 tháng	4,2	4,2	4,1	4,1
		Tổ chức 2 bữa chính và 1 bữa phụ cho trẻ em 18-36 tháng, đảm bảo cơ cấu năng lượng các chất dinh dưỡng	4,2	4,2	4,1	4,1
		Điểm trung bình	4,2	4,2	4,1	4,1

Kết quả khảo sát cho biết tính trung bình sáu chức năng quản lý nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ 6-36 tháng tuổi đạt mức dưới trung bình với 2,3/5 điểm. Trong đó, chức năng “lập kế hoạch”

đạt mức điểm cao nhất là 2,8/5 điểm và chức năng “tổ chức thực hiện” và chức năng “truyền thông” đạt mức điểm thấp nhất là 2,1/5 điểm.



Bảng 4. Điểm trung bình thực trạng các chức năng quản lý nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ 18-36 tháng tuổi

STT	Nội dung	Tiêu chí	Các nhóm đối tượng			
			Cán bộ quản lý giáo dục	Cán bộ quản lý liên quan giáo dục	Giáo viên	Phụ huynh
1	Hoạt động lập kế hoạch trong nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em 18-36 tháng tuổi	Xây dựng kế hoạch hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc phù hợp với đặc điểm trẻ em 18-36 tháng tuổi.	4,2	4,3	4,1	4,1
		Xây dựng kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em 18-36 tháng tuổi theo năm/tháng/tuần/ngày đảm bảo nội dung.	4,2	4,2	4,1	4,1
		Xây dựng kế hoạch hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em 18-36 tháng tuổi phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.	4,2	4,2	4,1	4,0
		Xây dựng kế hoạch hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em 18-36 tháng tuổi đảm bảo tính khả thi.	4,2	4,3	4,1	4,1
		Điểm trung bình.	4,2	4,3	4,1	4,1
2	Hoạt động tổ chức thực hiện kế hoạch trong nuôi dưỡng, chăm sóc cho trẻ em 18-36 tháng tuổi	Thông báo kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em 18-36 tháng tuổi đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường.	4,3	4,4	4,1	4,1
		Phân công nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em 18-36 tháng tuổi phù hợp với năng lực cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường.	4,4	4,6	4,1	4,1
		Điểm trung bình.	4,4	4,5	4,1	4,1
3	Hoạt động chỉ đạo thực hiện kế hoạch trong nuôi dưỡng, chăm sóc cho trẻ em 18-36 tháng tuổi	Chỉ đạo phó hiệu trưởng, tổ nuôi dưỡng, giáo viên trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em 18-36 tháng tuổi.	4,4	4,6	4,1	4,1
		Chỉ đạo tổ nuôi dưỡng xây dựng khẩu phần ăn đảm bảo cơ cấu năng lượng các chất dinh dưỡng, đảm bảo chế độ ăn và an toàn vệ sinh thực phẩm.	4,4	4,6	4,1	4,1
		Chỉ đạo giáo viên tổ chức bữa ăn, giấc ngủ cho trẻ em 18-36 tháng tuổi theo quy định.	4,4	4,6	4,1	4,1
		Chỉ đạo giáo viên thực hiện vệ sinh cá nhân cho trẻ em 18-36 tháng tuổi; theo dõi sức khỏe của trẻ trên biểu đồ, theo dõi tiêm chủng, đảm bảo an toàn và phòng tránh một số bệnh thường gặp cho trẻ.	4,2	4,2	4,1	4,1
		Chỉ đạo công tác phối hợp với trạm y tế chăm sóc sức khỏe định kỳ cho trẻ em 18-36 tháng tuổi.	4,2	4,3	4,1	4,1
		Điểm trung bình.	4,3	4,5	4,1	4,1
4	Hoạt động phối hợp các bên liên quan trong nuôi dưỡng, chăm sóc cho trẻ em 18-36 tháng tuổi	Hội phụ huynh học sinh giám sát công tác đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm của nhà trường	4,4	4,5	4,1	4,2
		Chi cục vệ sinh an toàn thực phẩm của tỉnh kiểm tra, đánh giá công tác đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm của nhà trường.	4,4	4,6	4,1	4,2
		Động viên, khen thưởng kịp thời đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện tốt công tác nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em 18-36 tháng tuổi.	4,4	4,6	4,1	4,2
		Điểm trung bình.	4,4	4,6	4,1	4,2

STT	Nội dung	Tiêu chí	Các nhóm đối tượng			
			Cán bộ quản lý giáo dục	Cán bộ quản lý liên quan giáo dục	Giáo viên	Phụ huynh
5	Hoạt động kiểm tra, đánh giá trong nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em 18-36 tháng tuổi	Kiểm tra, giám sát công tác quản lý chỉ đạo của Phó hiệu trưởng, giáo viên, nhân viên trong thực hiện hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em 18-36 tháng tuổi.	4,2	4,3	4,1	4,1
		Kiểm tra đánh giá công tác vệ sinh, sơ chế, chế biến thực phẩm tại bếp ăn.	4,2	4,3	4,1	4,1
		Kiểm tra đánh giá tổ chức hoạt động ăn, ngủ cho trẻ em 18-36 tháng tuổi tại nhóm trẻ.	4,2	4,4	4,1	4,1
		Kiểm tra đánh giá vệ sinh nhóm trẻ, vệ sinh cá nhân, đồ dùng, đồ chơi tại nhóm trẻ em 18-36 tháng tuổi.	4,2	4,4	4,1	4,1
		Kiểm tra, đánh giá sổ theo dõi sức khỏe của trẻ em 18-36 tháng tuổi.	4,3	4,4	4,1	4,1
		Điểm trung bình.	4,2	4,4	4,1	4,1

## 5. Bình luận

Thông qua mức đánh giá và số điểm trung bình của các hoạt động quản lý nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ có thể thấy tất cả quy trình quản lý của hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ đều được đánh giá ở mức khá trở lên, trong đó hoạt động tổ chức thực hiện kế hoạch, hoạt động chỉ đạo thực hiện kế hoạch và hoạt động phối hợp các bên liên quan là 3 hoạt động được đánh giá cao hơn các hoạt động còn lại. Đối với các nhóm tham gia khảo sát, có thể thấy đặc điểm chung của nhóm quản lý là đưa ra các nhận định, đánh giá tốt cao hơn so với nhóm giáo viên và nhóm phụ huynh. Số liệu này có thể giải thích được thông qua chức năng, vai trò của từng nhóm, với nhóm quản lý là nhóm trực tiếp tham gia, thực hiện các hoạt động và hiểu quy trình thực hiện vì vậy mức độ đánh giá tốt có phần cao hơn, với nhóm giáo viên và phụ huynh là những nhóm tham gia ở mức độ gián tiếp, nhóm hưởng thụ nên mức độ đánh giá luôn ở mức chung, ổn định.

Để các tiêu chí được đánh giá ở mức độ tốt cao hơn, cần tiếp tục thực hiện tốt các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng quản lý nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em từ 18 tháng đến 36 tháng tuổi. Ngoài ra qua trao đổi trực tiếp các đối tượng được hỏi cho rằng các kế hoạch Chỉ đạo giáo

viên thực hiện vệ sinh cá nhân cho trẻ em 18-36 tháng; theo dõi sức khỏe của trẻ trên biểu đồ, theo dõi tiêm chủng, đảm bảo an toàn và phòng tránh một số bệnh thường gặp cho trẻ cần có những cải tiến nhất định cho phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.

## 6. Kết luận

Trên thế giới và trong nước đã có nhiều nghiên cứu từ các góc độ khác nhau liên quan đến hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em mầm non. Các nghiên cứu ở các góc độ khác nhau đều có những nhận định về vấn đề nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ mầm non. Tuy nhiên, còn thiếu nghiên cứu đi sâu nghiên cứu về quản lý hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ từ 18 tháng đến 36 tháng tuổi theo hướng tiếp cận tham gia, việc nghiên cứu dựa theo hướng tiếp cận tham gia giúp quá trình nghiên cứu có góc nhìn đầy đủ từ cộng đồng và các bên trong quá trình quản lý giáo dục đối với hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ.

Kết quả nghiên cứu cho biết thực trạng quản lý giáo dục hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ từ 18 tháng đến 36 tháng tuổi được đánh giá ở mức từ khá đến tốt. Các quá trình quản lý bao gồm hoạt động lập kế hoạch, hoạt động tổ chức thực hiện kế hoạch, hoạt động chỉ

đạo thực hiện kế hoạch, hoạt động phối hợp các bên liên quan, hoạt động kiểm tra, đánh giá trong nuôi dưỡng, chăm sóc cho trẻ em 18-36 tháng tuổi đều được đánh giá ở mức khá. Đây là minh chứng rõ ràng nhất cho những nỗ lực và sự chỉ đạo của các cấp lãnh đạo, quản lý các cấp ở tỉnh Thanh Hóa trong quá trình từng bước phát triển bền vững giáo dục, Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được vẫn còn một số hạn chế nhất định trong quá trình quản lý hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ. Các trường cần tăng cường nhận thức về sự tham gia phát triển giáo dục mầm non, phối hợp dựa trên quyền lợi cho trẻ và vì trẻ em, có kế hoạch cụ thể nhằm cải tiến các điểm chưa được đánh giá cao tại các trường. Việc này sẽ góp phần ổn định về đội ngũ, nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục, tích cực đầu tư cơ sở vật chất - trang thiết bị, nhằm đảm bảo cho tất cả trẻ em đều được hưởng sự chăm sóc giáo dục tốt trong mọi loại hình giáo dục.

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Ho Chi Minh, Complete Works, National Political Publishing House, Vol. 10, 2011, pp. 591 (in Vietnamese).
- [2] Law on Education, No. 43/2019/QH14, June 14<sup>th</sup>, 2019 (in Vietnamese).
- [3] Circular No. 52/2020/TT-BGDĐT of the Ministry of Education and Training: Promulgating the Charter of Kindergartens issued on December 31<sup>st</sup>, 2020 (in Vietnamese).
- [4] B. M. Hien, N.V. B. Hien, School Management and Leadership, Hanoi National University of Education Publishing House, 2015 (in Vietnamese).
- [5] L. N. Hung, New Public Management Model and its Application in Administrative Reform in Vietnam, <https://tcnn.vn/news/detail/56660/Mo-hinh-quan-ly-cong-moi-va-su-van-dung-trong-cai-cach-hanh-chinh-o-Viet-Nam.html/>, 2022 (accessed on: December 31<sup>st</sup>, 2022 (in Vietnamese).
- [6] L. N. Hung, Social Management and Governance from the Perspective of System Theory, Journal of Political Theory, 2018 (in Vietnamese).
- [7] L. N. Hung, Sociology of Leadership and Management, Hanoi National University Publishing House, 2010 (in Vietnamese).
- [8] P. M. Hac, Contributing to the Innovation of Educational thinking, Education Publishing House, Hanoi, 1991 (in Vietnamese).
- [9] T. T. Cao, Childcare and Education Activities at Non-public Preschools at Binh Tan District, Ho Chi Minh City, Vinh University, Nghe An, Vietnam, 2015.
- [10] B. T. Bowman, M. S. Donovan, M. S. Burns, Eager to Learn: Educating Our Preschoolers, Washington, DC: National Academy Press, 2001.
- [11] S. Kontos, A. W. Herzog, Influences on Children's Competence in Early Childhood Schools, Early Childhood Research Quarterly, Vol. 12, No. 3, 1997, pp. 247-262.
- [12] M. Whitebook, C. Howes, D. Phillips, Who Cares? Child Care Teachers and the Quality of Care in America, Final Report, National Child Care Staffing Study, Oakland, CA: Child Care Employment Project, 1989.
- [13] M. M. Black, F. E. Aboud, Responsive Feeding is Embedded in a Theoretical Framework of Responsive Parenting, Nutrition Journal, Vol. 141, No. 3, 2011, pp. 490-494.
- [14] B. Daelmans, G. L. Darmstadt, J. Lombardi, Early Childhood Development: The Foundation of Sustainable Development, Lancet, Vol. 389, No. 10064, 2017, pp. 9-11.
- [15] A. K. Yousafzai, J. Obradović, M. A. Rasheed, Effects of Responsive Stimulation and Nutrition Interventions on Children's Development and Growth at Age 4 Years in a Disadvantaged Population in Pakistan: A Longitudinal Follow-up of a Cluster-randomized Factorial Effectiveness Trial, The Lancet Global Health, Vol. 4, No. 8, 2016, pp. e548-e558.
- [16] P. R. Britto, N. Ulkuer, Child Development in Developing Countries: Child Rights and Policy Implications, Child Development, Vol. 83, No. 1, 2012, pp. 92-103.
- [17] P. R. Britto, S. J. Lye, K. Proulx, Nurturing Care: Promoting Early Childhood Development, Lancet, Vol. 389, No. 10064, 2017, pp. 91-102.
- [18] J. Jager, M. H. Bornstein, D. L. Putnick, Family Members' Unique Perspectives of the Family: Examining Their Scope, Size, and Relations to Individual Adjustment, Journal of Family Psychology, Vol. 26, No. 3, 2012, pp. 400-410.
- [19] I. U. Iruka, P. R. Carver, Initial Results from the 2005 NHES Early Childhood, 2006.